

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**THIẾT KẾ WEB****A. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC**

1. Tên môn học (tiếng Việt) : THIẾT KẾ WEB
2. Tên môn học (tiếng Anh) : WEB DESIGN
3. Mã số môn học : ITS715
4. Trình độ đào tạo : Đại học
5. Ngành đào tạo áp dụng : Tất cả các ngành đào tạo đại học
6. Số tín chỉ : 3
 - Lý thuyết : 1 tín chỉ (tương đương 15 tiết)
 - Thảo luận và bài tập : 1 tín chỉ (tương đương 15 tiết)
 - Thực hành : 1 tín chỉ (tương đương 30 tiết)
 - Khác (ghi cụ thể) : 0
7. Phân bổ thời gian :
 - Tại giảng đường : 60 tiết
 - Trục tuyến : giảng viên có thể bố trí học online nhưng tổng số không quá 30% số tiết của toàn môn học
 - Tự học ở nhà : 120 giờ để chuẩn bị bài, tự học, làm tiểu luận nhóm
 - Khác (ghi cụ thể) : 00
8. Khoa quản lý môn học : Khoa HTTTQL
9. Môn học trước : Không
10. Mô tả môn học

Thiết kế web là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và các nguyên lý về thiết kế web như nguyên lý về bố cục, màu sắc, kết cấu trang web với HTML, CSS, JavaScript, các thành

phần của một website nhằm thiết kế hoàn chỉnh một trang web tĩnh đạt chuẩn quốc tế (W3C). Ngoài ra học phần giúp người học biết cách sử dụng một số công cụ thiết kế web phổ biến để xây dựng trang web với các thành phần cơ bản.

11. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

11.1. Mục tiêu của môn học

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Nội dung CĐR CTĐT ¹ phân bổ cho môn học	CĐR CTĐT
(a)	(b)	(c)	(d)
CO1	Trong khối 3 tín chỉ, môn học cung cấp và thúc đẩy sinh viên hiểu rõ kiến thức, các nguyên tắc cốt lõi để thiết kế một trang web tĩnh hoàn chỉnh và đạt chuẩn quốc tế (W3C).	Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong lĩnh vực kinh tế và kỹ thuật	PLO1
		Khả năng làm việc độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện	PLO2
CO2	Trong khối 3 tín chỉ, môn học cung cấp và thúc đẩy sinh viên cách thức áp dụng các kiến thức thiết kế và sử dụng các công cụ hiện đại để xây dựng một trang web tĩnh hoàn chỉnh và đạt chuẩn quốc tế (W3C)	Khả năng vận dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu một cách hệ thống để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong HTTTQL	PLO6

11.2. Chuẩn đầu ra của môn học (CĐR MH) và sự đóng góp vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CĐR CTĐT)

¹ Giải thích ký hiệu viết tắt: CĐR – chuẩn đầu ra; CTĐT - chương trình đào tạo.

CĐR MH	Nội dung CĐR MH	Mức độ theo thang đo của CĐR MH	Mục tiêu môn học	CĐR CTĐT
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)
CLO1	Hoàn thành học phần, sinh viên hiểu được ngôn ngữ HTML, CSS và Javascript.	2	CO1 CO2	PLO1 PLO2 PLO6
CLO2	Hoàn thành học phần, sinh viên áp dụng được các kiến thức lý thuyết thiết kế web để tự xây dựng một trang web tĩnh.	3	CO1 CO2	PLO1 PLO2 PLO6

11.3. Ma trận đóng góp của môn học cho PLO

Mã CĐR CTĐT	PLO1	PLO2	PLO6
Mã CĐR MH			
CLO1	2	2	2
CLO2	2	2	3

12. Phương pháp dạy và học

Phương pháp “Người học là trung tâm” sẽ được sử dụng trong môn học để giúp sinh viên tham gia tích cực. Kết quả học tập dự kiến sẽ đạt được thông qua một loạt các hoạt động học tập ở trường và ở nhà.

- 50% giảng dạy, 50% hướng dẫn thực hành và hỗ trợ sinh viên khi thực hành, thảo luận, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi.
- Tại lớp, giảng viên giải thích các định nghĩa, nền tảng lý thuyết, cách sử dụng các ứng dụng; đặt ra các vấn đề, hướng dẫn và khuyến khích sinh viên giải quyết; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày và thực hành làm mẫu cho sinh viên.
- Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích nêu lên các câu hỏi, giải quyết các vấn đề và thực hành các bài tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Ở lớp, giảng viên dành một khoảng thời gian đáng kể (10-20%) để thực hiện các hoạt động trong lớp và đưa ra các câu hỏi để đánh giá khả năng nhận thức và giải đáp các câu hỏi của sinh viên liên quan đến bài học.
- Quy định về hình thức giảng dạy: Giảng viên có thể chủ động lựa chọn hình thức giảng dạy là trực tuyến (online) kết hợp trực tiếp (offline), đảm bảo tổng thời gian giảng dạy trực tuyến không vượt quá 30% thời gian giảng dạy của cả môn học.

13. Yêu cầu môn học

- Sinh viên chỉ được đánh giá đạt học phần khi: (1) có điểm quá trình, (2) có điểm kết thúc học phần (trường hợp sinh viên nhận điểm 0 do vắng thi không được ghi nhận là có điểm thi), (3) có tổng điểm học phần từ 4 trở lên.
- Tuỳ theo số lượng sinh viên mà giảng viên quyết định số lượng thành viên các nhóm học tập.
- Sinh viên tham dự lớp học phần phải tuân thủ quy tắc ứng xử của Nhà Trường; sinh viên phải đến lớp đúng giờ, đảm bảo thời gian học trên lớp, có thái độ nghiêm túc và chủ động, tích cực trong học tập, nghiên cứu.
- Sinh viên phải có ý thức chuẩn bị giáo trình, học liệu, máy tính cá nhân (khi cần thiết) để phục vụ quá trình học tập.

14. Học liệu của môn học

14.1. Giáo trình

[1] Ikram Hawramani, “*HTML & CSS For Complete Beginners*” (2018), Stewards Publishing.

14.2. Tài liệu tham khảo

[2] Jon Duckett, “*Javascript and jQuery: Interactive Front-End Web Development*”, Wiley (June, 2014)

[3] W3C.ORG

B. PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

1. Các thành phần đánh giá môn học

Thành phần đánh giá	Phương thức đánh giá	Các CĐR MH	Trọng số
A.1. Đánh giá quá trình	A.1.1. Chuyên cần	CLO1, CLO2	10%
	A.1.2. Kiểm tra	CLO1, CLO2	20%
	A.1.3. Tiểu luận nhóm	CLO1, CLO2	20%

A.2. Đánh giá cuối kỳ	A.2.1. Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2	50%
-----------------------	--------------------	------------	-----

2. Nội dung và phương pháp đánh giá

A.1. Đánh giá quá trình

A.1.1. Chuyên cần

Nội dung của đánh giá chuyên cần gồm: tần suất hiện diện của sinh viên và sự tham gia vào quá trình học tập tại giảng đường hoặc kênh học trực tuyến.

Phương pháp và tổ chức thực hiện đánh giá thông qua hình thức điểm danh và ghi nhận quá trình tham gia học tập các nội dung của học phần. Điểm danh thực hiện trên danh sách lớp học phần chính thức do Trường cung cấp. Việc ghi nhận quá trình tham gia học tập các nội dung của học phần được thực hiện khi: (1) giảng viên mời đích danh sinh viên trả lời các câu hỏi hay phân công giải quyết các bài tập/chủ đề thảo luận (tham gia chủ động), (2) sinh viên tự giác (xunh phong) trả lời các câu hỏi hay tham gia giải quyết các bài tập/chủ đề thảo luận (tham gia chủ động); sinh viên có tần suất tham gia trên 50% số buổi học với đa số lời đáp sát đáp án của vấn đề thì được xác định là chủ động tham gia rất tích cực vào quá trình học tập trên giảng đường.

A.1.2. Tiểu luận nhóm

Nội dung đánh giá của hình thức đánh giá kết quả học tập bằng Tiểu luận nhóm là khối lượng kiến thức của học phần đã quy định trong Đề cương này, thể hiện cụ thể qua các chủ đề của tiểu luận nhóm.

Đánh giá kết quả học tập bằng Tiểu luận nhóm được thực hiện bằng hình thức đánh giá nội dung, hình thức bài tiểu luận do một nhóm không quá 5 thành viên thực hiện. Quy cách của tiểu luận được giảng viên quy định ở buổi học thứ nhất.

Giảng viên tổ chức cho sinh viên hình thành các nhóm viết tiểu luận. Đề tài của tiểu luận, thời gian và phương thức nộp tiểu luận (bằng file) được giảng viên thông báo nhóm sinh viên trực tiếp tại lớp hoặc qua email trong tuần học đầu tiên của học phần. Nhóm sinh viên tổ chức thực hiện tiểu luận trong thời gian tự học tại nhà; sau đó nộp tiểu luận đến giảng viên theo thời gian quy định. Giảng viên chấm tiểu luận, trả điểm và cung cấp nhận xét cho các nhóm rút kinh nghiệm, đúc kết tri thức cần lĩnh hội. Việc lựa chọn nhóm sinh viên thực hiện báo cáo tiểu luận do giảng viên quyết định dựa vào chất lượng

(nội dung khoa học và hình thức trình bày) của tiểu luận và quỹ thời gian cho phép của học phần.

A.1.3. Bài kiểm tra cá nhân

Nội dung đánh giá của Bài kiểm tra cá nhân là khối lượng kiến thức kiểm tra tương ứng với khối lượng kiến thức của tiến độ dạy học đã được quy định. Đề kiểm tra do giảng viên soạn, chịu trách nhiệm về chuyên môn. Yêu cầu kết quả phải là một sản phẩm thiết kế web hoàn chỉnh.

Đánh giá kết quả học tập bằng Bài kiểm tra cá nhân được thực hiện bằng cách tổ chức kiểm tra tập trung tại giảng đường theo hình thức: thực hành trên máy để tạo ra website, được quyền sử dụng tài liệu, internet (trong trường hợp cần thiết, có thể thay thế bằng hình thức kiểm tra online; với trường hợp này, giảng viên sẽ thông báo chi tiết đến sinh viên ít nhất 1 tuần trước ngày kiểm tra về thời gian giao đề, thời gian thực hiện bài kiểm tra, phương thức làm bài và nộp bài kiểm tra qua mạng internet).

A.2. Thi cuối kỳ

Đề thi do giảng viên tự ra hoặc từ ngân hàng câu hỏi thi (nếu có). Mỗi đề thi gồm 40 câu hỏi trắc nghiệm. Các câu hỏi trắc nghiệm có 4 phương án lựa chọn và chỉ có một phương án đúng. Thời gian thi là 50 phút.

3. Các rubrics đánh giá

1.1. Chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Thang điểm			
		Dưới 5	5 – dưới 7	7 – dưới 9	9 - 10
Tần suất xuất hiện của sinh viên	40%	Hiện diện tại giảng đường hoặc lớp học trực tuyến dưới 50% số buổi học	Hiện diện tại giảng đường hoặc lớp học trực tuyến trên 50% số buổi học	Hiện diện tại giảng đường hoặc lớp học trực tuyến trên 70% số buổi học	Hiện diện tại giảng đường hoặc lớp học trực tuyến trên 90% số buổi học

Sự tham gia vào quá trình học tập tại giảng đường	60%	Không tham gia vào quá trình thảo luận về nội dung bài học trong suốt học phần	Tham gia thụ động vào quá trình thảo luận về nội dung bài học trong suốt học phần	Tham gia chủ động vào quá trình thảo luận về nội dung bài học trong suốt học phần	Chủ động tham gia rất tích cực vào quá trình thảo luận về nội dung bài học trong suốt học phần

1.2. Bài kiểm tra cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Thang điểm			
		Dưới 5	5 – dưới 7	7 – dưới 9	9 - 10
Tính chính xác (đúng nền tảng lý thuyết thiết kế web)	70%	Không sử dụng đúng các thẻ đánh dấu HTML để xây dựng kết cấu web	Sử dụng đúng các thẻ đánh dấu HTML để xây dựng kết cấu web	Sử dụng ngôn ngữ CSS để tạo trang web bắt mắt, ấn tượng	Sử dụng ngôn ngữ Javascript để thực hiện một số xử lý trên giao diện web
Đạt chuẩn quốc tế (W3C)	30%	W3C báo từ 5 lỗi trở lên	W3C báo dưới 5 lỗi	W3C không báo lỗi nào	W3C không báo lỗi nào và các cảnh báo nào

1.3. Tiểu luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Thang điểm			
		Dưới 5	5 – dưới 7	7 – dưới 9	9 - 10

Cấu trúc tiểu luận	10%	Tiểu luận thiếu phần giải thích lý do thực hiện tiểu luận và các nguồn tài liệu tham khảo	Tiểu luận không có phần tài liệu tham khảo	Tiểu luận không có đầy đủ các hình ảnh, bảng biểu để phân tích hoặc làm minh chứng	Tiểu luận có đầy đủ các phần theo như quy định
Giới thiệu vấn đề	10%	Không trình bày được tính cấp thiết (tầm quan trọng...) của vấn đề	Trình bày được nhưng chưa đủ về tính cấp thiết (tầm quan trọng...) của vấn đề	Trình bày được tính cấp thiết (tầm quan trọng...) của vấn đề nhưng chưa thiết phục người đọc	Phân tích rõ, thuyết phục nhất về tính cấp thiết (tầm quan trọng...) của vấn đề
Cơ sở lý luận (nền tảng/lý thuyết khoa học)	30%	Không sử dụng lý luận khoa học liên quan	Có sử dụng lý luận khoa học nhưng chưa đủ sức thuyết phục	Sử dụng đúng lý luận khoa học liên quan, có sức thuyết phục	Sử dụng chính xác, rất thuyết phục về lý luận khoa học liên quan
Giải quyết vấn đề	40%	Không có logic lập luận giải quyết vấn đề	Lập luận còn lỏng lẻo, không có sản phẩm cụ thể	Lập luận logic, có sản phẩm cụ thể	Lập luận chặt chẽ, có sản phẩm hoàn thiện

Hình thức tài liệu báo cáo	10%	Không định dạng theo bất cứ tiêu chí nào	Có lỗi: không căn lề, không thống nhất định dạng đoạn văn, sai khổ giấy	Có lỗi: thiếu đánh số trang; thiếu bìa hoặc trình bày bìa sai quy định	Định dạng đúng tất cả các tiêu chí yêu cầu
----------------------------	-----	--	---	--	--

C. NỘI DUNG CHI TIẾT GIẢNG DẠY

Thời lượng (tiết)	Nội dung giảng dạy chi tiết	CĐR MH	Hoạt động dạy và học	Phương pháp đánh giá	Học liệu
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)
2 LT 5 TL	Chương 1. Giới thiệu về lịch sử phát triển web 1.1 Tổng quan về web 1.1.1 Tài liệu có cấu trúc 1.1.2 Sự ra đời của web 1.1.3 Xu hướng phát triển Web 1.2 CMS 1.3 Web trên nền điện toán đám mây	CLO1 CLO2	Trực tiếp (offline) hay trực tuyến (online) Giảng viên: Trình bày lịch sử và quá trình phát triển website. Giới thiệu xu hướng và các công nghệ website hiện nay. Sinh viên: Tiếp thu và thảo luận	A.1.1 A.1.2 A.1.3 A.2	[1] Chương 1; [3]
5 LT 10 TH	Chương 2. Ngôn ngữ HTML 2.1 Cấu trúc và cú pháp 2.1.1 Cấu trúc tài liệu HTML 2.1.2 Cú pháp 2.2 Trình duyệt web		Trực tiếp (offline) hay trực tuyến (online) Giảng viên: Giảng viên trình bày và hướng dẫn sinh viên sử dụng ngôn ngữ	A.1.1 A.1.2 A.1.3 A.2	[1] Chương 2; Chương 3; Chương 4; [3]

2.3 Giới thiệu tổ chức W3C 2.4 HTML Text 2.4.1 HTML Element và Attribute 2.4.2 Heading và Paragraph 2.4.3 Định dạng cho các Paragraph 2.4.4 Các thẻ diễn giải nội dung 2.5 HTML List 2.6 HTML Object 2.6.1 HTML Image 2.6.2 HTML object và embed tag 2.6.3 Nhúng video vào trang web 2.6.4 iFrame 2.7 HTML Hyperlink 2.7.1 Các thành phần của một liên kết 2.7.2 Cú pháp 2.7.3 Thuộc tính target 2.7.4 Hyperlink Fragment 2.8 HTML Table 2.8.1 Tạo bảng cho website 2.8.2 Tạo cấu trúc bảng theo ngữ nghĩa		HTML trên trình soạn thảo Brackets hoặc Sublime Texts trên máy tính. Sinh viên: + Tại lớp: thực hành theo sự hướng dẫn của giảng viên. + Tại nhà: ôn lại các thao tác đã học trên lớp và thực hiện bài tập được giao.		
--	--	--	--	--

	2.9 HTML Form 2.9.1 Form, Textbox và Submit 2.9.2 Radio, Checkbox, TextArea 2.9.3 Tổ chức các control				
5 LT 10 TH 5 TL	Chương 3. Ngôn ngữ CSS 3.1 Các khái niệm cơ bản 3.1.1 Cascade 3.1.2 Importance 3.1.3 Specificity 3.1.4 Source Order 3.1.5 Inheritance 3.2 Tích hợp mã CSS vào trang web 3.3 Trình soạn thảo 3.4 Selector 3.4.1 Universal, Type/Element, Group 3.4.2 Id và class Selector 3.4.3 Attribute Selector 3.4.4 Pseudo Element và Pseudo Class 3.4.5 Combinator Selector 3.5 Unit và Value		Trực tiếp (offline) hay trực tuyến (online) Giảng viên: Giảng viên trình bày và hướng dẫn sinh viên sử dụng ngôn ngữ CSS trên trình soạn thảo Brackets hoặc Sublime Texts trên máy tính. Sinh viên: + Tại lớp: thực hành theo sự hướng dẫn của giảng viên. + Tại nhà: ôn lại các thao tác đã học trên lớp và thực hiện bài tập được giao.	A.1.1 A.1.2 A.1.3 A.2	[1] Chương 5; Chương 6; [3]

	3.5.1 Đơn vị tuyệt đối 3.5.2 Đơn vị tương đối 3.5.3 Kiểu dữ liệu văn bản và số 3.5.4 Các trình duyệt tính toán giá trị 3.5.5 Tìm hiểu giá trị màu sắc 3.6 Font, Text, List Properties 3.6.1 Các thuộc tính liên quan tới Font 3.6.2 Các thuộc tính liên quan tới Text 3.6.3 Các thuộc tính liên quan tới List 3.6.4 iFrame 3.7 Box Model 3.7.1 Khái niệm 3.7.2 Block và Inline 3.7.3 Thuộc tính Box sizing 3.7.4 Thuộc tính Overflow 3.7.5 Thuộc tính Float 3.7.6 Thuộc tính Clear 3.7.7 Kỹ thuật Hidden và Clear-fix 3.7.8 Thuộc tính Position 3.7.9 Thuộc tính z-index				
--	--	--	--	--	--

	3.8 Background 3.8.1 Thuộc tính background 3.8.2 Thuộc tính border radius				
3 LT 10 TH 5 TL	Chương 4. Ngôn ngữ Javascript 4.1 Giới thiệu ngôn ngữ Javascript 4.2 Thiết lập môi trường 4.3 Biến và kiểu dữ liệu chuỗi 4.4 Kiểu số và các phép toán logic 4.4.1 Các phép toán cơ bản trên kiểu số 4.4.2 Thứ tự thực hiện phép toán 4.4.3 Giá trị chuỗi và số 4.4.4 Hàm ParseInt và ParseFloat 4.4.5 Đối tượng Math 4.4.5 Kiểu Boolean 4.4.6 Toán tử logic OR 4.4.7 Truthy và Falsy 4.5 Lệnh rẽ nhánh 4.5.1 Lệnh If-Else 4.5.2 Lệnh Switch-Case 4.6 Hàm		Trực tiếp (offline) hay trực tuyến (online) Giảng viên: Giảng viên trình bày và hướng dẫn sinh viên sử dụng ngôn ngữ Javascript trên trình soạn thảo Brackets hoặc Sublime Texts trên máy tính. Sinh viên: + Tại lớp: thực hành theo sự hướng dẫn của giảng viên. + Tại nhà: ôn lại các thao tác đã học trên lớp và thực hiện bài tập được giao.	A.1.1 A.1.2 A.1.3 A.2	[2], [3]

	4.6.1 Khái niệm 4.6.2 Cách gọi hàm 4.6.3 Phạm vi biến 4.7 Mảng và vòng lặp 4.7.1 Khái niệm mảng 4.7.2 Khai báo và sử dụng mảng 4.7.3 Thao tác trên mảng 4.7.4 Duyệt mảng với vòng lặp for 4.7.5 Các loại vòng lặp trong Javascript 4.7.6 Break và Continue 4.8 Giới thiệu thư viện jQuery 4.8.1 Giới thiệu 4.8.2 Khai báo và sử dụng 4.8.3 Các hàm thông dụng				
Môn học được giảng dạy trực tuyến tối đa không quá 30% tổng thời lượng chương trình.					

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Văn Thi

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Phó Hải Đăng

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Văn Thi

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.,TS. Nguyễn Đức Trung